TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55**/2025/HS-ST
Ngày: 25/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Đức

Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm - Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và điểm cầu thành phần - Hội trường xét xử trực tuyến – Phân trại tạm giam khu vực T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 58/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 03 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê S, sinh năm: 1993 tại Đồng Nai, CCCD số 0750.9301.4194, cấp ngày 12/8/2021, nơi cấp: Cục C1 về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: tổ C, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con bà Lê Thị T, sinh năm 1966 và cha không xác định (có cha dượng là ông Vương Văn L, sinh năm: 1966); bị cáo là con lớn trong gia đình có 03 anh em; bị cáo có vợ là chị Lương Thị Thùy T1, sinh năm: 1995; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm: 2022 và con nhỏ sinh năm 2024.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: 01 tiền án.

Bản án số 59/2023/HSST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xử phạt Lê S 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 19/11/2023.

- Nhân thân:

+ Ngày 16/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 (Mười hai) tháng, theo Quyết định số 42/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 04/01/2017.

+ Ngày 09/02/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 20 (Hai mươi) tháng, theo Quyết định số 26/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 07/3/2019.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/10/2024 đến ngày 30/10/2024 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Sau đó bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần)

* *Bị hại:* Anh **Nguyễn Minh H**, sinh năm: 2007.

Địa chỉ: D ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Phạm Đức V**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

* *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Nguyễn Văn C, ông Lê Minh V1, ông Nguyễn Trần Hoàng L1 - điểm cầu P trại tạm giam khu vực T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê S, sinh năm 1993, là đối tượng nghiện ma túy và có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích.

Khoảng 11 giờ ngày 22/10/2024 Lê S đi bộ từ nhà mình đến ấp N, xã B đến nhà người quen tên S1 nhưng không gặp, trên đường đi về đoạn qua vườn điều của người dân thì phát hiện xe mô tô 60FV-0123 của anh Nguyễn Minh H, sinh năm 2007 trú tại xã Q, huyện T đang dựng sát vườn điều để lái máy xúc làm công trình gần đó. Phát hiện thấy không có người trông coi nên Lê S lén lút lấy trộm và đẩy bộ về nhà, trên đường về nhà S tự tháo bảng số 60FV-0123 vứt vào lô cao su, khi về đến nhà S tiếp tục tháo rời bửng phía trước xe mô tô cất dấu. Biết hành vi của mình bị phát hiện nên ngày 23/10/2024 Lê S ra đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp xe mô tô 60FV-0123 và giao nộp lại xe môtô đã trộm cắp.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 1894/KL-HĐĐGTS ngày 28/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T xác định: 01 xe mô tô màu xanh đen số khung: RRKWCB2UM7XF02521, số máy: VTT21YXIP39FMB002521 đã qua sử dụng có giá trị còn lại 1.933.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Xe mô tô màu xanh đen số khung: RRKWCB2UM7XF02521, số máy: VTT21YXIP39FMB002521, biển số 60FV-0123 loại 50cm^3, nhãn hiệu Amgio (sản xuất năm 2007) đứng tên đăng ký là Phạm

Đức V, sinh năm 1990, trú tại xã Q, anh V bán lại xe mô tô cho Nguyễn Minh H, xe có đầy đủ giấy tờ hợp pháp Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Minh H, anh H đã nhận lại tài sản, xác định không thiệt hại gì nên không yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKS-TN ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê S từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Bị hại – anh Nguyễn Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Phạm Đức V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt*: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Lê S là đối tượng có tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Vào lúc 11 giờ ngày 22/10/2024 Lê S đi bộ trên đoạn đường thuộc ấp N, xã B, huyện T thì phát hiện xe mô tô 60FV-0123 có giá trị 1.933.000 đồng của anh Nguyễn Minh H đang dựng sát vườn điều mà không có người trông coi nên Lê S lén lút lấy trộm đưa về nhà mình cất dấu, đến ngày 23/10/2024 Lê S ra đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp xe mô tô 60FV-0123 và giao nộp lại xe môtô đã trộm cắp.

Như vậy, hành vi của Lê S thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

...".

Do đó, Cáo trạng số 22/CT-VKS-TN ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Lê S về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo*: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Lẽ ra là thanh niên, bị cáo phải nỗ lực phấn đấu, tu dưỡng bản thân, lao động để tạo ra của cải vật chất, giúp đỡ gia đình và xã hội nhưng bị cáo lại đi vào con đường phạm tội. Do đó cần phải có mức án tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả hành vi của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[4] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo*:

- *Về nhân thân:* + Ngày 16/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 (Mười hai) tháng, theo Quyết định số 42/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 04/01/2017.

+ Ngày 09/02/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 20 (Hai mươi) tháng, theo Quyết định số 26/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 07/3/2019.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Không có.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo và

biết hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về quyết định hình phạt*: Căn cứ vào tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", đã từng nghiện ma túy và có nhân thân xấu, qua đó thể hiện bị cáo không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Vì vậy, cần cách ly bị cáo S ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Căn cứ tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Xét thấy, bị cáo không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Về xử lý vật chứng:* xe mô tô màu xanh đen số khung: RRKWCB2UM7XF02521, số máy: VTT21YXIP39FMB002521, biển số 60FV-0123 loại 50cm^3, nhãn hiệu Amgio (sản xuất năm 2007) đứng tên đăng ký là Phạm Đức V, sinh năm 1990, trú tại xã Q, anh V bán lại xe mô tô cho Nguyễn Minh H, xe có đầy đủ giấy tờ hợp pháp Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Minh H, anh H đã nhận lại tài sản *(Theo Quyết định xử lý vật chứng số 1773/QĐ-ĐTTH ngày 18/12/2024 và Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 16/01/2025)* là phù hợp.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra, bị hại Nguyễn Minh H đã nhận lại tài sản và anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] *Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[10] *Về án phí*: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê S phạm tội **"Trộm cắp tài sản"**.

Xử phạt bị cáo Lê S **01 (Một)** năm **04 (Bốn)** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/12/2024 trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 23/10/2024 đến ngày 30/10/2024.

2. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CQTHAHS khu vực Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký)*

Đinh Thị Tuyết Hạnh